TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **167**/2019/HC-PT
Ngày: 30-09-2019

V/v: "Khiếu kiện Quyết định hành chính thu hồi, bồi thường đất đai".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Minh Tuấn**

Các thẩm phán: Ông **Lê Tự**

Ông **Trương Công Thi**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Văn Thị Mỹ Thảo**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Ông **Lê Phước Thạnh -** Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 09 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số 46/2018/TLPT-HC ngày 19 tháng 12 năm 2018 về việc "*Khiếu kiện Quyết định hành chính thu hồi, bồi thường đất đai"*.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 11/2018/HC-ST ngày 31/10/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1155/2019/QĐ-PT ngày 4 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

*** *Người khởi kiện:*** Vợ chồng ông Nguyễn Tấn Q - sinh năm 1945, bà Nguyễn Thị Thu B - sinh năm 1951: Địa chỉ: Thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên; ông Q và bà B có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Bà Trần Thị Như Th - Luật sư, thuộc đoàn Luật sư tỉnh Phú Yên; vắng mặt.

*** *Người bị kiện:***

1. Ủy ban nhân dân huyện T; người đại diện theo pháp luật: ông Bùi Văn Th1- Chủ tịch UBND huyện T;

2. Chủ tịch UBND huyện T- ông Bùi Văn Th1; có đơn xét xử vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền ông Bùi Văn Th1: Ông Phạm Ngọc Th2- Phó chủ tịch UBND huyện T, có đơn xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thị trấn C, huyện T, tỉnh Phú Yên;

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên; Địa chỉ: Thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên. Người đại diện theo pháp luật ông Nguyễn Văn H – Chủ tịch UBND xã A, có đơn xét xử vắng mặt.

2. Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Phú Yên: Địa chỉ: 62A đường L, phường X, thành phố T1, tỉnh Phú Yên.

Người đại diện theo pháp luật ông Nguyễn Vũ Th3 có Văn bản số 1113/VPĐKDĐ tháng 9/2019 giao cho Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T thực hiện, có đơn xét xử vắng mặt.

3. Chi cục thuế huyện T, tỉnh Phú Yên: Địa chỉ: Thị trấn C, huyện T, tỉnh Phú Yên.

Người đại diện ông Lại Sứ Q- Chi cục trưởng, có đơn xét xử vắng mặt

4. Hợp tác xã Nông nghiệp A; Địa chỉ: Thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên. Do ông Bùi Tấn C1, sinh năm 1963 - Trưởng Ban kiểm soát HTXNN A tham gia tố tụng theo giấy ủy quyền ngày 09 tháng 10 năm 2018 của Giám đốc HTXNN A; vắng mặt.

5. Công ty trách nhiệm hữu hạn T2: Địa chỉ: 14 đường N, phường X, thành phố T1, tỉnh Phú Yên.

Người đại diện ông Nguyễn Văn S - giám đốc công ty, có mặt tại phiên tòa.

6. Anh Nguyễn Gian Ph - sinh năm 1986; Địa chỉ: Thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên, ủy quyền cho ông Nguyễn Tấn Q tham gia tố tụng.

- *Người kháng cáo*: Người khởi kiện ông Nguyễn Tấn Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/02/2015 và quá trình tham gia tố tụng, đại diện của người khởi kiện trình bày: Năm 2014, UBND huyện T thu hồi đất diện tích 79,4m^2 tại Thôn P, xã A, huyện T của gia đình ông Q để thực hiện công trình mở rộng Quốc lộ 1. Trung tâm phát triển quỹ đất huyện T đã xác định diện tích thu hồi và kiểm đếm tài sản trên đất. Đến tháng 03/2014, ông Q nhận được

thông báo bồi thường tài sản nhưng không bồi thường về đất cho hộ gia đình Ông. Ông Q đã khiếu nại đến UBND huyện T yêu cầu bồi thường, hỗ trợ về đất đối với diện tích bị thu hồi. Chủ tịch UBND huyện T đã giải quyết khiếu nại không công nhận nội dung khiếu nại vì cho rằng diện tích đất thu hồi nằm trong quy hoạch giao thông. Nhưng diện tích đất bị thu hồi 79,4m^2 của ông Q nằm trong tổng diện tích 490,l m^2 thuộc thửa đất số 183, tờ bản đồ số 10 là thuộc quyền sử dụng hợp pháp của gia đình ông Q. Tuy diện tích đất bị thu hồi thuộc phần đất quy hoạch giao thông, nhưng theo quyết định của pháp luật thì diện tích này vẫn thuộc quyền sử dụng hợp pháp của gia đình ông Q, chỉ bị hạn chế trong việc xây dựng trên đất chứ không đương nhiên bị mất phần đất này. Do đó, Nhà nước bồi thường, hỗ trợ thiệt hại về đất khi thu hồi đất. UBND huyện T không bồi thường, hỗ trợ là gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của vợ chồng ông Q, bà B.

Do đó, vợ chồng ông Nguyễn Tấn Q, bà Nguyễn Thị Thu B yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Công văn số 09/UBND ngày 04/02/2015 của Chủ tịch UBND huyện T *"Về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Tấn Q";*

Hủy một phần Quyết định số 475/QĐ-UBND ngày 28/4/2014 của UBND huyện T *"Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng công trình mở rộng quốc lộ 1, đoạn từ Km 1219+300 - Km 1320+00, qua xã A, huyện T"* (Đính kèm Bảng tổng hợp ngày 28/4/2014 và Bảng tính chi tiết số 35 ngày 17/3/2014). Buộc UBND huyện T, tỉnh Phú Yên lập phương án bồi thường, hỗ trợ về đất đối với diện tích 79,4m^2 nhà nước thu hồi để thực hiện dự án mở rộng Quốc lộ 1 năm 2014 cho vợ chồng ông Nguyễn Tấn Q, bà Nguyễn Thị Thu B theo quy định của pháp luật.

Người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện T, Chủ tịch UBND huyện T trình bày: Nguồn gốc thửa đất có diện tích bị thu hồi 79,4m^2 là một phần của thửa số 818, tờ số 3, Bản đồ 299 lập năm 1993, loại đất hoa màu có diện tích 910 m^2, theo sổ quy chủ thửa đất này thì người sử dụng là Hợp tác xã Nông nghiệp A. Theo bản đồ địa chính lập năm 1997, thửa đất trên là thửa đất số 183, tờ bản đồ số 10, loại đất thổ cư diện tích 350 m^2, theo sổ mục kê thửa đất số 183, tờ bản đồ số 10, thể hiện người sử dụng là Nguyễn Tấn Q. Ngày 29/3/1997, ông Nguyễn Tấn Q có đơn xin đất để xây dựng nhà ở, được Hợp tác xã kinh doanh tổng hợp xã A và UBND xã A xác nhận và ngày 10/11/2011 ông Nguyễn Tấn Q tiếp tục có Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất, được UBND xã A xác nhận và có ý kiến của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện T. Ngày 07/6/2012, UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 781464 cho ông Nguyễn Tấn Q tại thửa số 183, tờ bản đồ số 10, diện tích 158 m^2 đất ở nông thôn, ông Q phải nộp tiền sử

dụng đất 50% giá trị đất tại thời điểm cấp giấy. Khi lập hồ sơ kỹ thuật áp giá bồi thường, thửa đất 183 được xác định là thửa đất số 139, loại đất theo hiện trạng là ONT+BHK, chủ sử dụng là ông Nguyễn Tấn Q, diện tích 490,l m^2, diện tích còn lại là 410,7m^2.

Căn cứ khoản 1, Điều 50 của Luật đất đai 2003: *"Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất ổn định, được Uỷ ban nhân dân xã, phường, thị trấn xác nhận không có tranh chấp mà có một trong các loại giấy tờ sau đây thì được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và không phải nộp tiền sử dụng đất:*

b) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tạm thời được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp hoặc có tên trong sổ đăng ký ruộng đất, sổ địa chính;

Như vậy, thửa đất số 183, tờ bản đồ số 10, diện tích là 350m^2, có tên trong sổ địa chính lập năm 1998, thừa nhận là đúng.

Tuy nhiên UBND huyện T không tính bồi thường 79,4 m^2 đất bị ảnh hưởng Quốc lộ 1 năm 2014 với lý do: Sau khi kiểm tra các loại giấy tờ và hồ sơ địa chính lập từ năm 1997, năm 1998. Cụ thể như sau:

Về giao đất khi thực hiện Nghị định 64/CP của Chính phủ, năm 1995 xã A xét đề nghị giao đất cho ông Nguyễn Tấn Q, thì hộ ông Q được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G418720, ngày 31/10/1997 tổng diện tích đất 3.905m^2. Trong đó diện tích đất nông nghiệp là 895 m^2 (thửa 135, thửa 222), diện tích đất ở được công nhận: 200 m^2 đất ở, đất vườn 2.810 m^2 (thửa số 68, tờ bản đồ số 01, bản đồ 299/Ttg đo năm 1993, nay là thửa số 253 tờ bản đồ số 10, bản đồ địa chính đo năm 1998).

Vào ngày 29/3/1997, ông Nguyễn Tấn Q có làm đơn xin đất ở 120 m^2, được HTXNN xã A và UBND xã A ký xác nhận. Nguồn gốc thửa đất số 818, tờ bản đồ số 03, diện tích 910 m^2, loại đất màu do HTXNN A quản lý, sau khi thực hiện Nghị định 64-CP, thửa 183, tờ bản đồ số 10 là do UBND xã quản lý. Đất này không phải do ông Q tạo lập trước năm 1993, mà đất này do nhà nước giao vào hăm 1997 để làm nhà ở, là đã trừ diện tích nằm trong quy hoạch hành lang giao thông.

Vào năm 1997 đo đạc địa chính, lập sổ mục kê, vào sổ địa chính năm 1998, thửa đất số 183, tờ bản đồ số 10, diện tích đất là 350 m^2. Trong đó: đất ở 200 m^2, đất vườn 150 m^2. Là địa phương xã A thiếu kiểm tra khi vào sổ địa chính dẫn đến sai sót. Vấn đề này, UBND huyện sẽ đề nghị với Sở Tài nguyên và Môi trường chỉnh lý theo quy định.

Ngày 10/4/2002, ông Q có làm bản cam kết thực hiện trách nhiệm trong công tác bảo vệ công trình giao thông và an toàn giao thông đường bộ. Có nội

dung cam kết không cơi nới nhà hay xây dựng bất kỳ công trình gì lấn chiếm hành lang bảo vệ đường bộ. Như vậy, ông Q đã thừa nhận diện tích nằm trong diện tích 27,2m^2 là đất quy hoạch giao thông do Nhà nước quản lý.

Từ những cơ sở trên, ông Q yêu cầu bồi thường 79,4m^2 đất bị ảnh hưởng do thực hiện Dự án mở rộng Quốc lộ 1 năm 2014, với lý do thửa đất bị ảnh hưởng dự án là thửa 183, tờ bản đồ số 10, diện tích đất là 350 m^2, có tên trong số địa chính lập năm 1998, là đất quy hoạch giao thông đường Quốc lộ 1, tính từ tim đường ra mỗi bên là 27,2m (tính từ chân mái ta ly là 20m) là quy định tại Nghị định số 203/HĐBT ngày 21/2/1982 của Hội đồng Bộ trưởng. Do đó, diện tích 79,4m^2 đất này nằm trong quy hoạch giao thông do nhà nước quản lý, nên không được bồi thường là đúng quy định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND xã A trình bày: Thống nhất theo quan điểm trình bày của UBND huyện T. Đối với diện tích 79,4 m^2 bị ảnh hưởng do thực hiện dự án mở rộng Quốc lộ 1 năm 2014 mà vợ chồng ông Nguyễn Tấn Q, bà Nguyễn Thị Thu B đang khởi kiện yêu cầu, bồi thường hỗ trợ về đất thì UBND huyện T không ban hành Quyết định thu hồi đất cho vợ chồng ông Q, bà B vì đây là đất do UBND xã A quản lý.

Việc ngày 20/10/1998 có ghi vào sổ địa chính đối với ông Nguyễn Tấn Q trong đó có thửa 183, tờ bản đồ số 10 với diện tích 200 m^2 đất ở và 150 m^2 đất vườn thể hiện số vào sổ cấp giấy chứng nhận là 00720 là không có cơ sở vì tại thời điểm ngày 20/10/1998 thửa đất số 183, tờ bản đồ số 10 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chi cục thuế huyện T trình bày: Tại thời điểm đăng ký quyền sử dụng đất, căn cứ vào đơn xin ghi nợ tiền sử dụng đất của ông Nguyễn Tấn Q và hồ sơ của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện T (nay là Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T) chuyển qua thì Chi cục thuế huyện T tiến hành tính số tiền sử dụng đất đối với diện tích 158 m^2 đất ở với số tiền 47.400.00 đồng (sử dụng đất sau thời điểm ngày 15/10/1993 và trước ngày 01/07/2004), tuy nhiên do ông Nguyễn Tấn Q là thương binh nên được giảm 33.180.000 đồng (giảm 70%). số tiền còn lại 14.220.000 đồng thì ông Q có đơn xin ghi nợ và được sự đồng ý của UBND huyện T nên Chi cục thuế tiến hành theo dõi số tiền ghi nợ nêu trên theo quy định. Vào ngày 14/3/2017 ông Nguyễn Tấn Q đã đến Chi cục thuế huyện T để hoàn thành nghĩa vụ đối với số tiền ghi nợ 14.220.000 đồng. Do đó, Chi cục thuế huyện T không có ý kiến gì đối với yêu cầu của người khởi kiện. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hợp tác xã Nông nghiệp A trình

bày: Nguyên thửa đất số 818, tờ bản đồ số 03 theo bản đồ đo đạc năm 1993 trước kia do Hợp tác xã nông nghiệp xã A quản lý, sử dụng. Vào ngày 29/3/1997 thì ông Nguyễn Tấn Q có đơn xin đất để xây dựng nhà ở đối với diện tích 120 m^2, xét thấy ông Q là hộ chính sách nên Hợp tác xã có ký xác nhận vào đơn xin đất để xây dựng nhà ở đối với diện tích 120m^2 nêu trên cho ông Q. Đối với yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Q, bà B thì Hợp tác xã Nông nghiệp A không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Phú Yên: Thống nhất theo quan điểm giải quyết của UBND huyện T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH T2 trình bày: Việc vợ chồng ông Nguyễn Tấn Q, bà Nguyễn Thị Thu B khởi kiện quyết định hành chính của Chủ tịch UBND huyện T; UBND huyện T là quyền cá nhân của vợ chồng ông Q, bà B. Công ty TNHH T2 không có ý kiến gì. Còn đối với kết quả đo đạc diện tích đất vợ chồng ông Nguyễn Tấn Q, bà Nguyễn Thị Thu B đang sử dụng bị ảnh hưởng bởi dự án mở rộng Quốc lộ 1 năm 2014 do công ty lập là đúng theo thực tế, hiện trạng đo đạc, đúng quy định pháp luật về chuyên môn, kỹ thuật. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy đinh của pháp luật.

Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành đối thoại để các đương sự thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án, nhưng các bên đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người bị kiện vẫn giữ nguyên quyết định hành chính.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Người khởi kiện ông Nguyễn Tấn Q cho rằng thửa đất thửa đất 183, tờ bản đồ số 10, diện tích đất là 350 m^2 ông Nguyễn Tấn Q mua lại của ông Võ Tấn L1 vào năm 1980, không có giấy tờ mua bán, hiện nay ông L1 đã chết, ông Q không cung cấp được chứng cứ, chứng minh có việc mua bán đất hợp pháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện cho rằng: Diện tích đất 79,4 m^2 vợ chồng ông Nguyễn Tấn Q, bà Nguyễn Thị Thu B yêu cầu bồi thường, hỗ trợ nằm trong diện tích vợ chồng ông được UBND xã A giao 350 m^2 và khai hoang lên 490,l m^2. Tại hồ sơ địa chính là 350 m^2. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ghi 158 m^2 cộng phần đất quy hoạch giao thông gia đình đang sử dụng có diện tích 350 m^2. Do đó, yêu cầu UBND huyện T phải lập phương án thu hồi, bồi thường và hỗ trợ đối với diện tích đất 79,4m^2 bị thu hồi theo quy định của pháp luật. Do đó, đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Q, bà B.

Tại Bản án Hành chính sơ thẩm số 11/2018/HC-ST ngày 31/10/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên đã quyết định:

Áp dụng Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính; Điều 18 Luật khiếu nại năm 2011; khoản 1 Điều 50 Luật đất đai năm 2003; điểm c khoản 4 Điều 14 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/05/2007 của Chính phủ; Điều 2 của Luật người cao tuổi số 39/2009/QH12 ngày 23/11/2009 của Quốc hội; Điểm đ, khoản 1 Điều 12 và Khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận đơn khởi kiện của vợ chồng ông Nguyễn Tấn Q, bà Nguyễn Thị Thu B yêu cầu: Hủy Công văn số 09/UBND ngày 04/02/2015 của Chủ tịch UBND huyện T *"Về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Tấn Q"*; Hủy một phần Quyết định số 475/QĐ-UBND ngày 28/4/2014 của UBND huyện T *"Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng công trình mở rộng quốc lộ 1, đoạn từ KM1219+300 - Km 1320+00, qua xã A, huyện T"* (Đính kèm Bảng tổng hợp ngày 28/4/2014 và Bảng tính chi tiết số 35 ngày 17/3/2014). Buộc UBND huyện T, tỉnh Phú Yên lập phương án bồi thường hỗ trợ về đất đối với diện tích 79,4m^2 nhà nước thu hồi để thực hiện dự án mở rộng Quốc lộ 1 năm 2014 cho vợ chồng ông Nguyễn Tấn Q, bà Nguyễn Thị Thu B. Vì không có căn cứ pháp luật.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 13/10/2018, người khởi kiện ông Nguyễn Tấn Q kháng cáo toàn bộ Bản án Hành chính sơ thẩm số 11/2018/HC-ST ngày 31/10/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên, với nội dung: Diện tích đất thu hồi 79,4 m^2 của Ông nằm trong tổng diện tích 490,1m^2, thuộc thửa đất số 183, tờ bản đồ số 10 của Ông (Ông có tên trong sổ địa chính 1997); tuy rằng diện tích đất thu hồi thuộc phần đất quy hoạch giao thông nhưng vẫn thuộc quyền sử dụng hợp pháp của Ông nên đủ điều kiện bồi thường theo quy định điểm b khoản 3 Điều 8 Nghị định 197/2004/NĐ-CP; Điều 14 NĐ 69/2009/NĐ-CP; Ông đề nghị hủy công văn 09/UBND ngày 4/2/2015 của Chủ tịch UBND huyện T, buộc UBND huyện T thu hồi bồi thường đầy đủ đối với diện tích đất bị thu hồi 79,4m^2.

Tại đơn xét xử vắng mặt và đơn trình bày ý kiến ông Nguyễn Tấn Q cho rằng: Diện tích đất 79,4 m^2 của gia đình ông mà UBND huyện T thu hồi để thực hiện Dự án mở rộng quốc lộ 1 là đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sử dụng sau ngày 15/10/1993(năm 1997), thời điểm bắt đầu sử dụng đất không lấn, chiếm hành lang bảo vệ an toàn công trình công cộng đã được công bố, cắm mốc, chưa được nhà nước bồi thường nên có cơ sở để được xem

xét thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ theo đúng quy định của pháp luật đề nghị tòa án phúc thẩm chấp nhận đơn kháng cáo của Ông.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt ông Bùi Văn Th1 - Chủ tịch UBND huyện T trình bày: Ông Nguyễn Tấn Q yêu cầu bồi thường 79,4 m^2đất bị thu hồi thực hiện dự án Quốc lộ 1 năm 2014; khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Q trừ diện tích quy hoạch đường giao thông đường bộ, diện tích 79,4m^2 mà ông Q khiếu nại và khởi kiện nằm trong quy hoạch giao thông đường bộ do nhà nước quản lý, không nằm trong giấy chứng nhận đã cấp cho ông Q; do đó ông không được bồi thường là đúng quy định.

Tại đơn xét xử vắng mặt UBND xã A cho rằng đã cung cấp đầy đủ hồ sơ, chứng cứ cho tòa án, không có ý kiến gì ngoài nội dung đã cung cấp cho tòa án.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn S - giám đốc Công ty TNHH T2 đề nghị Tòa án phúc thẩm giải quyết theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng có quan điểm như sau: Diện tích đất ông Q khiếu nại và khởi kiện nằm trong vệt quy hoạch giao thông đường bộ, khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Q đã trừ ra diện tích đất này, toàn bộ diện tích đất này do UBND xã A quản lý; Tòa án cấp sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Q là có căn cứ; đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính bác toàn bộ kháng cáo của ông Q, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi xem xét toàn bộ chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Tấn Q cho rằng: Diện tích đất bị thu hồi 79,4m^2 nằm trong tổng diện tích 490,1m^2 thuộc thửa 183, tờ bản đồ số 10 được ghi vào sổ địa chính năm 1997 theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 50 luật đất đai 2003, điểm b khoản 3 Điều 8 Nghị định 197/2004/NĐ-CP, Điều 14 Nghị định 69/2009/NĐ-CP Ông phải được thu hồi và bồi thường về đất, thấy:

[1.1] Khi thực hiện Nghị định 64/CP của Chính phủ, năm 1995 xã A xét đề nghị giao đất cho ông Nguyễn Tấn Q, thì hộ ông Q được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G418720, ngày 31/10/1997 tổng diện tích đất 3.905m^2. Trong đó diện tích đất nông nghiệp là 895 m^2 (thửa 135, thửa 222), diện tích đất ở được công nhận: 200 m^2 đất ở, đất vườn 2.810 m^2 (thửa số

68, tờ bản đồ số 01, bản đồ 299/TTg đo năm 1993, nay là thửa số 253 tờ bản đồ số 10, bản đồ địa chính đo năm 1998). Ngày 29/3/1997, ông Nguyễn Tấn Q có làm đơn xin đất ở 120 m^2, được HTXNN xã A và UBND xã A ký xác nhận. Nguồn gốc thửa đất số 818, tờ bản đồ số 03, diện tích 910 m^2, loại đất màu do HTXNN A quản lý, sau khi thực hiện Nghị định 64-CP, thửa 183, tờ bản đồ số 10 là do UBND xã quản lý. Đất này không phải do ông Q tạo lập trước năm 1993, mà đất này do nhà nước giao vào năm 1997 để làm nhà ở, là đã trừ diện tích nằm trong quy hoạch hành lang giao thông.

[1.2] Vào năm 1997 đo đạc địa chính, lập sổ mục kê, vào sổ địa chính năm 1998, thửa đất số 183, tờ bản đồ số 10, diện tích đất là 350 m^2. Trong đó: đất ở 200 m^2, đất vườn 150 m^2. Xã A thiếu kiểm tra khi vào sổ địa chính dẫn đến sai sót. Vấn đề này, UBND huyện T đã chỉnh lý hồ sơ địa chính khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Q, bà B ngày 7/6/2012.

[1.3] Diện tích đất 79,4m^2 mà ông Q yêu cầu được thu hồi và bồi thường bị ảnh hưởng do thực hiện dự án mở rộng Quốc lộ 1A, có chiều dài giáp mép đường phía tây Quốc lộ 1A là 22,7m, chiều sâu phía nam dài 2m và chiều sâu phía bắc dài 5,3m (BL295); đây là diện tích đất thuộc hành lang bảo vệ an toàn giao thông, nằm trong khoảng cách 15,5m mà UBND huyện T không giao cho ông Q, bà B; không ảnh hưởng đến diện tích 350m^2 Ông Bà đăng ký kê khai tại sổ địa chính năm 1998 và không ảnh hưởng đến diện tích 158m^2 UBND huyện T đã cấp gấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Q, bà B vào năm 2012; toàn bộ diện tích đất (79,4m^2) này do UBND xã A quản lý.

[1.4] Tòa án cấp sơ thẩm đã bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Q, bà B là có căn cứ, đúng pháp luật. tại cấp phúc thẩm ông Q, bà B và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông bà không cung cấp thêm chứng cứ mới khác; do đó không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Q, bà B giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[2] Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3] Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Nguyễn Tấn Q sinh năm 1945, bà Nguyễn Thị Thu B sinh năm 1951 là người cao tuổi; tuy nhiên Ông Bà không có yêu cầu đề nghị xem xét miễn án phí; do vậy, ông Q và bà B phải chịu 300.000,đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí phúc thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0012957 ngày 20/11/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính;

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Tấn Q, giữ nguyên Bản án Hành chính sơ thẩm số 11/2018/HC-ST ngày 31/10/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên, cụ thể:

Căn cứ Điều 18 Luật khiếu nại năm 2011; khoản 1 Điều 50 Luật đất đai năm 2003; điểm c khoản 4 Điều 14 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/05/2007 của Chính phủ; Điều 2 của Luật người cao tuổi số 39/2009/QH12 ngày 23/11/2009 của Quốc hội; Điểm đ, khoản 1 Điều 12 và Khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận đơn khởi kiện của vợ chồng ông Nguyễn Tấn Q, bà Nguyễn Thị Thu B yêu cầu: Hủy Công văn số 09/UBND ngày 04/02/2015 của Chủ tịch UBND huyện T *"Về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Tấn Q"*; Hủy một phần Quyết định số 475/QĐ-UBND ngày 28/4/2014 của UBND huyện T *"Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng công trình mở rộng quốc lộ 1, đoạn từ KM1219+300 - Km 1320+00, qua xã A, huyện T"* (Đính kèm Bảng tổng hợp ngày 28/4/2014 và Bảng tính chi tiết số 35 ngày 17/3/2014). Buộc UBND huyện T, tỉnh Phú Yên lập phương án bồi thường hỗ trợ về đất đối với diện tích 79,4m^2 nhà nước thu hồi để thực hiện dự án mở rộng Quốc lộ 1 năm 2014 cho vợ chồng ông Nguyễn Tấn Q, bà Nguyễn Thị Thu B. Vì không có căn cứ pháp luật.

2. Về án phí:

Án phí hành chính sơ thẩm ông Nguyễn Tấn Q, bà Nguyễn Thị Thu B được miễn. Hoàn trả lại cho vợ chồng ông Nguyễn Tấn Q, bà Nguyễn Thị Thu B 200.000, đồng (Hai trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí hành chính đã nộp tại Biên lai thu số AA-14U0001134 ngày 22/6/2015 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Phú Yên.

Án phí hành chính phúc thẩm ông Nguyễn Tấn Q và bà Nguyễn Thị Thu B phải chịu: 300.000, đồng (Ba trăm ngàn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0012957 ngày 20/11/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên. Ông Nguyễn Tấn Q và bà Nguyễn Thị Thu B đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm.

3. Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *TANDTC;*
- *VKSNDCC tại Đà Nẵng;*
- *TAND tỉnh Phú Yên;*
- *VKSND tỉnh Phú Yên;*
- *Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trương Minh Tuấn